

Bản án số: 02/2018/HS-ST

Ngày: 04-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Ông Đặng Hoàng Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường Văn hóa xã A, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2017/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/HSST – QĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Thông báo dời phiên tòa số 02/TB – TA ngày 25 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P và bà L, sinh năm 1943; Có vợ: H, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/9/2017, bị Công an thị trấn B xử phạt 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 06 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình tại khu phố 5 thị trấn B (huyện B – Bến Tre). Ngày 16/3/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre, đến ngày

01/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và chấp hành án tại Trại giam C – huyện G – tỉnh Bến Tre, đến ngày 03/01/2015 chấp hành xong án phạt tù về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/11/2017.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại: anh Đ, sinh năm 1979*

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà D, sinh năm 1965*

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt có đơn).

- *Người làm chứng: bà Q, sinh năm 1963*

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11/10/2017, T đi bộ trên đường Huyện 14 thì phát hiện nhà anh Đ có một chiếc xe mô tô biển số 71F4-4930 đang dựng trước hiên nhà nhưng không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý định, T đi vào lén dắt chiếc xe ra lộ khỏi động máy chạy về nhà bà D lấy dụng cụ cắt bẻ biển số thành nhiều mảnh và đục bỏ số máy xe thì bị Công an xã P phát hiện.

Tài sản và vật chứng tạm giữ, gồm:

- 01 xe mô tô màu nâu không có biển số, số khung C100M-8142550, số máy đã bị đục phá khuyết lõm không đọc được; 01 tấm kim loại màu trắng kích thước 21cm x 17cm, cạnh dưới có dập chữ nổi Dream II; 01 mảnh kim loại nền trắng có dập viền đen và ký tự “F4” màu đen; 01 mảnh kim loại nền trắng có dập viền đen và chữ số nổi “30” màu đen; 01 cái đục dài 22cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại; 01 cái búa nhỏ đinh cán và lưỡi bằng kim loại dài 20cm.

- T giao nộp: 01 áo sơ mi ngắn tay, nền vải có kẻ sọc vuông màu xám – xanh; 01 quần Jean dài màu xanh.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 52/KL.ĐGTS ngày 20/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận chiếc xe Dream màu nâu, số khung C100M-8142550 giá trị còn lại là 15.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 32/KSĐT - KT ngày 29/11/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm cáo trạng, truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo T từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003:

+ Ghi nhận người bị hại Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ba Tri đã giao trả 01 xe mô tô màu nâu không biển số cho chủ sở hữu là Đ.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 tấm kim loại màu trắng kích thước 21cm x 17cm, cạnh dưới có dập chữ nổi Dream II, 01 mảnh kim loại nền trắng có dập viền đen và ký tự F4 màu đen, 01 mảnh kim loại nền trắng có dập viền đen và chữ số nổi “30” màu đen, 01 cái đục dài 22cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại; 01 cái búa nhỏ đỉnh cán và lưỡi bằng kim loại dài 20cm, 01 áo sơ mi ngắn tay, nền vải có kẻ sọc vuông màu xám – xanh, 01 quần Jean dài màu xanh.

Tại phiên tòa, Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 71F4-4930 của anh Đ như đã nêu trên. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Người bị hại Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Về trách nhiệm hình sự, người bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật

Trong quá trình điều tra, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan D không yêu cầu nhận lại 01 cái búa và 01 cái đục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai nhận của bị cáo T là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên T đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 71F4-4930 của anh Đ trị giá 15.000.000đ; sự việc xảy ra vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11/10/2017 tại ấp P, xã P (huyện Bi – tỉnh Bến Tre).

[2] Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Đ, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp và cố ý thực hiện, hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định theo khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có nhân thân xấu, từng 02 lần bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản và tàng trữ trái phép chất ma túy. Dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không biết cải sửa mà tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản nên đã bị xử phạt hành chính. Có thể thấy bị cáo là người rất khó cải tạo, giáo dục nên việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần phải xử lý bị cáo bằng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như góp phần chung vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ba Tri đã giao trả toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại, đồng thời bị hại tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản tiền nào. Xét thấy việc giao trả vật chứng cho chủ sở hữu của cơ quan CSĐT và việc bị hại tự nguyện không yêu cầu bồi thường là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

- Đối với số vật chứng gồm: 01 tấm kim loại màu trắng kích thước 21cm x 17cm, cạnh dưới có dập chữ nổi Dream II, 01 mảnh kim loại nền trắng có dập viền đen và ký tự F4 màu đen, 01 mảnh kim loại nền trắng có dập viền đen và chữ số nổi “30” màu đen, 01 cái đục dài 22cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại; 01 cái búa nhỏ đinh cán và lưỡi bằng kim loại dài 20cm, 01 áo sơ mi ngắn tay, nền vải có kẻ sọc vuông màu xám – xanh, 01 quần Jean dài màu xanh của T, do các chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại và số vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên sẽ bị tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT)– Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo **T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **T 01 (Một)** năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2003:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ba Tri đã giao trả 01 xe mô tô màu nâu không biển số cho chủ sở hữu là Đ và anh Đ không có yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Tịch thu tiêu hủy 01 tấm kim loại màu trắng kích thước 21cm x 17cm, cạnh dưới có dập chữ nổi Dream II, 01 mảnh kim loại nền trắng có dập viền đen và ký tự F4 màu đen, 01 mảnh kim loại nền trắng có dập viền đen và chữ số nổi “30” màu đen, 01 cái đục dài 22cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại; 01 cái búa nhỏ đinh cán và lưỡi bằng kim loại dài 20cm, 01 áo sơ mi ngắn tay, nền vải có kẻ sọc vuông màu xám – xanh, 01 quần Jean dài màu xanh của T. (theo phiếu nhập kho số NKTV04 ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Buộc bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[4] Báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhân:**

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn B;
- Lưu.

Nguyễn Thanh Tùng